

Vietnam geographical exploitation under the United Nations Convention on the Law of the Sea in 1982 (UNCLOS 1982)

Phung Van Phach^{1,*}, Huynh Minh Chinh², Do Chien Thang¹, Tran Anh Tuan¹, Phan Tuan Nam², Le Tuan Anh², Cu Minh Hoang³, Nguyen Van Bach³

¹*Institute of Marine Geology and Geophysics, VAST, Vietnam*

²*National Border Committee, Ministry of Foreign Affairs, Vietnam*

³*Vietnam Oil and Gas Group, Hanoi, Vietnam*

*E-mail: pvphach@yahoo.com

Received: 25 July 2019; Accepted: 6 October 2019

©2019 Vietnam Academy of Science and Technology (VAST)

Abstract

As an active member of the United Nations Convention on the Law of the Sea - UNCLOS, Vietnam has completed 3 Reports on the Limits of the Continental Shelf and has submitted two of them to the Commission on the Limits of the Continental Shelf - CLCS, before the deadline 13-5-2009. Those are: (1) Outer Limits of the Vietnam's Extended Continental Shelf: North Area (VNM-N); (2) Outer Limits of the Vietnam's Extended Continental Shelf: Middle Area (VNM-M) and (3) Vietnam - Malaysia Joint Continental Shelf Submission. The VNM-M has not yet been submitted but it was mentioned to the CLCS and will be submitted in the appropriate time. Vietnam's submissions were highly appreciated by CLCS; although the CLCS has not yet organized a special sub-committee to look at our reports, the secretariat of CLCS has already posted the executive reports of our submissions, with our principle claims on the continental shelf, on the website of the CLCS since May 2009. This paper presents shortly the UNCLOS and its application in Vietnam case.

Keywords: Limits of the Continental Shelf, Vietnam continental shelf, UNCLOS 1982, CLCS.

Thềm lục địa Việt Nam theo Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS 1982)

Phùng Văn Phách^{1,*}, Huỳnh Minh Chính², Đỗ Chiến Thắng¹, Trần Anh Tuấn¹, Phan Tuấn Nam², Lê Tuấn Anh², Cù Minh Hoàng³, Nguyễn Văn Bách³

¹*Viện Địa chất và Địa vật lý biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam*

²*Ủy ban Biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Việt Nam*

³*Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam*

*E-mail: pvphach@yahoo.com

Nhận bài: 25-7-2019; Chấp nhận đăng: 6-10-2019

Tóm tắt

Việt Nam là thành viên tích cực của Công ước Liên Hiệp Quốc về luật biển đã hoàn thành tốt 3 báo cáo về ranh giới thềm lục địa của mình và nộp 2 báo cáo cho Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa đúng thời hạn (trước ngày hạn chót 13/5/2009). Đó là các báo cáo về khu vực phía bắc, khu vực giữa và khu vực phía nam. Báo cáo khu vực phía nam làm chung với Malaysia, hai báo cáo còn lại Việt Nam làm riêng. Báo cáo khu vực giữa Việt Nam chưa nộp, nhưng đã thông báo cho Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa là sẽ nộp vào thời điểm thích hợp. Các báo cáo về ranh giới thềm lục địa của Việt Nam được đánh giá cao và mặc dù Ủy ban Ranh giới ngoài chưa lập tiểu ban để xem xét, nhưng tóm tắt các báo cáo khu vực bắc và nam, với các đường ranh giới thềm lục địa cơ bản, đã được Ban Thư ký của Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa thông báo rộng rãi trên trang WEB của Ủy ban từ tháng 5-2009 cho toàn thế giới biết. Bài báo này trình bày một cách vắn tắt về Công ước về luật biển của Liên Hiệp Quốc và tình hình áp dụng nó trong thực tiễn Việt Nam, để độc giả quan tâm dễ bề theo dõi.

Từ khóa: Ranh giới thềm lục địa, thềm lục địa Việt Nam, UNCLOS 1982, CLCS.

MỞ ĐẦU

Cách đây 37 năm, vào ngày 16-11-1982, tại Montego Bay, Jamaica, sau 9 năm rông bàn thảo, Hội nghị lần thứ 3 của Liên Hiệp Quốc (LHQ) về Luật biển đã đi đến ký kết một công ước về luật biển chưa từng có trong lịch sử loài người. Đó là Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển (UNCLOS). Sự ra đời của UNCLOS đã đáp ứng nguyện vọng và mong đợi của cộng đồng quốc tế về một chuẩn mực pháp lý quốc tế công bằng mang tính toàn cầu đối với tất cả các vấn đề về biển và đại dương, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển. UNCLOS ra đời đã đặt nền tảng cho sự thiết lập một trật tự pháp lý mới liên quan đến các vấn đề biển và

đại dương, đề cập toàn diện đến các lĩnh vực biển, có tính đến lợi ích của tất cả các nước trên thế giới kể cả các nước không có biển. UNCLOS đã trở thành cơ sở pháp lý quan trọng điều phối các vấn đề liên quan đến biển, một công cụ pháp lý quan trọng để giải quyết, xử lý các tranh chấp biển.

Từ khi có hiệu lực ngày 16/11/1994 (khi thành viên thứ 60 phê chuẩn Công ước), đến nay UNCLOS đã được vận dụng hiệu quả để giải quyết nhiều tranh chấp biển phức tạp kéo dài và giúp giảm thiểu những nguy cơ xung đột tiềm tàng. UNCLOS xứng đáng được gọi là “Hiến pháp của đại dương” của nhân loại.

Tính đến nay (2019), UNCLOS đã có 168 quốc gia thành viên. Việt Nam là thành viên tích cực của Công ước Luật biển và đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với Công ước, đồng thời đã xây dựng được các báo cáo quốc gia về ranh giới thềm lục địa của mình, tuân thủ các quy định của Công ước một cách kịp thời và đảm bảo chất lượng, tiến độ do Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa quy định.

Là những người tham gia trong quá trình xây dựng các báo cáo về ranh giới thềm lục địa (RGTLĐ) của Việt Nam, nộp cho LHQ năm 2009, chúng tôi xin trình bày một cách vắn tắt về Công ước về luật biển của LHQ và tình hình áp dụng nó trong thực tiễn Việt Nam, để độc giả quan tâm dễ bề theo dõi.

CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN 1982 VÀ ĐỊNH NGHĨA VỀ THỀM LỤC ĐỊA

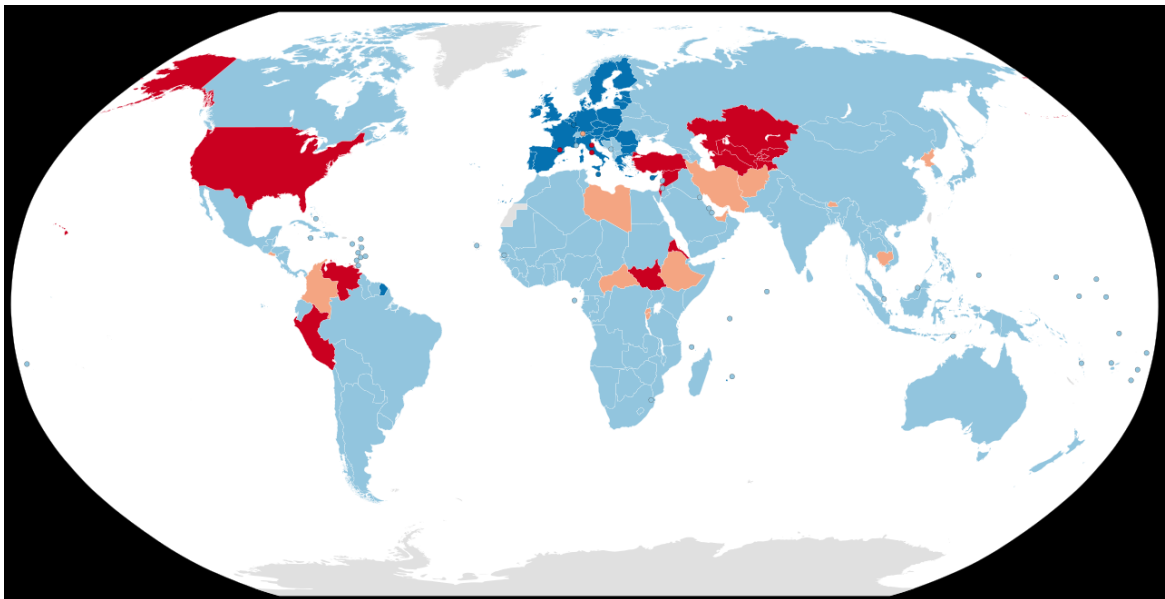
Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển (United Nations Convention on Law of the

Sea - UNCLOS) (Nguồn trang web của CLCS) [1]

Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển (United Nations Convention on Law of the Sea - UNCLOS), thường được gọi tắt là Công ước Luật biển 1982 hay UNCLOS 1982. Công ước Luật biển cũng còn được gọi là Hiệp ước biển (the Law of the Sea Treaty).

Công ước được thông qua tại Hội nghị LHQ về Luật biển lần thứ ba, diễn ra từ năm 1973 cho đến 1982. Nó được ký kết vào ngày 10-12-1982 với sự tham gia của 168 thành viên, có hiệu lực chính thức từ ngày 16-11-1994, khi đã hội đủ điều kiện trên 60 thành viên phê chuẩn.

UNCLOS 1982 là văn bản trụ cột, là “Hiến pháp về biển và đại dương thế giới”, là nòng cốt của luật biển quốc tế hiện đại. Đó là một hiệp ước quốc tế đồ sộ, tổng hợp và toàn diện nhất về biển mà thế giới có được cho đến thời điểm hiện nay.



Hình 1. Bản đồ tình trạng các nước trên thế giới tham gia UNCLOS 1982 (Cho đến 23/10/2018 đã có 168 nước phê chuẩn UNCLOS 1982 [1])

Chú giải: Màu xanh các nước thành viên (Parties); Màu xanh đậm là các nước châu Âu tham gia Công ước thông qua Liên minh Châu Âu (EU); Màu nâu nhạt là các nước ký nhưng chưa phê chuẩn (gồm 14 nước: Liechtenstein, El Salvador, Colombia, Libya, Trung Phi, Ethiopia, Burundi, Rwanda, Iran, Afghanistan, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập, Bhutan, Cambodia, Bắc Triều Tiên); Màu nâu đậm là 15 nước thành viên LHQ là quan sát viên nhưng không tham gia (bao gồm Hoa Kỳ, Andora, Israel, Syria, Kazakhstan, Uzbekistan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Turkmenistan, Peru, Venexuela, Thổ Nhĩ Kỳ, Eriteria, Nam Xu Đãng, Holy See).

UNCLOS 1982 có tất cả 17 phần (Part), 320 điều khoản (Article), 9 phụ lục (Annex), với hơn 100 điều khoản và bốn nghị quyết kèm theo. Ngoài ra có 2 thỏa thuận bổ sung, đó là:

(1) Thỏa thuận (Hiệp định) thực hiện phần XI của Công ước 1982 ký vào năm 1994. Tính đến năm 2018, Hiệp định có 150 thành viên. Việt Nam đã tham gia Hiệp định vào ngày 27/4/2006.

(2) Thỏa thuận (Hiệp định) về Đoàn cá di cư của Liên Hiệp Quốc năm 1995. Tính đến năm 2018 có 89 quốc gia thành viên. Việt Nam chưa tham gia Hiệp định này.

Tính đến ngày 23/10/2018, UNCLOS có 168 quốc gia đã phê chuẩn (hình 1), (cụ thể là 167 quốc gia và Cộng đồng Châu Âu (EU). Trong 167 quốc gia thì 164 là thành viên của LHQ, 3 quốc gia còn lại là Palestine, Đảo Cook và Niue là các quan sát viên của LHQ), 14 quốc gia đã ký kết nhưng chưa phê chuẩn, 41 quốc gia ra tuyên bố loại trừ thẩm quyền của các cơ chế tài phán theo Điều 298 UNCLOS. Việt Nam phê chuẩn UNCLOS 1982 vào ngày 25-7-1994.

Hoa Kỳ không tham gia Công ước và mặc dù có tham gia ký Thỏa thuận (Hiệp định) thực hiện phần XI của Công ước 1982 ký vào năm 1994, nhưng không được Thượng viện thông qua (thiếu đúng 1 phiếu, 66/100, trong khi cần 67/100).

Thêm lục địa

Phần VI của UNCLOS 1982 là “Thêm lục địa”, có 10 điều, từ Điều 76 đến Điều 85, cụ thể là:

ĐIỀU 76. Định nghĩa thêm lục địa

1. Thêm lục địa của một quốc gia ven biển bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải của quốc gia đó, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền của quốc gia đó cho đến hết rìa lục địa, hoặc đến nơi cách đường cơ sở (dùng để tính chiều rộng lãnh hải) là 200 hải lý, trường hợp rìa lục địa có chiều rộng nhỏ hơn khoảng cách đó (tức 200 hải lý).

2. Thêm lục địa không mở rộng ra ngoài các giới hạn nói ở các khoản từ 4 đến 6.

3. Rìa lục địa là phần kéo dài ngập dưới nước của lục địa của quốc gia ven biển, cấu thành bởi đáy biển và lòng đất dưới đáy biển

của thêm lục địa, sườn lục địa và chân dốc lục địa. Rìa lục địa không bao gồm đáy biển sâu (biển thẳm), với các dải núi giữa đại dương, cũng như lòng đất của chúng.

4. a) Theo công ước, quốc gia ven biển sẽ phải xác định rìa ngoài của rìa lục địa ở những nơi mà rìa lục địa rộng hơn 200 hải lý tính từ đường cơ sở (mà từ đó tính chiều rộng lãnh hải bằng) theo các cách sau:

i. Đường rìa ngoài (hay ranh giới ngoài thêm lục địa) được xác định theo khoản 7, Điều 76 bằng cách nối các điểm mà tại đó chiều dày lớp trầm tích bằng ít nhất là 1% khoảng cách từ điểm đó đến điểm chân dốc lục địa gần nhất, hoặc:

ii. Đường rìa ngoài (hay ranh giới ngoài thêm lục địa) được xác định theo khoản 7 Điều 76 bằng cách nối các điểm cố định ở cách chân dốc lục địa 60 hải lý.

b) Nếu không có các chứng cứ (địa chất) để xác định điểm chân dốc lục địa thì nó sẽ được xác định bằng địa mạo, tức là điểm chân dốc lục địa sẽ là điểm có sự thay đổi độ dốc đáy biển đột ngột nhất.

5. Các điểm cố định trên đáy biển dùng để xác định đường rìa ngoài (hay ranh giới ngoài thêm lục địa), được vạch theo khoản 4, điểm a), điểm nhỏ i) và ii), phải thỏa mãn các điều kiện: Nằm cách các điểm cơ sở (để tính chiều rộng lãnh hải) một khoảng cách không vượt quá 350 hải lý và (hoặc) nằm cách đường đẳng sâu 2.500 m một khoảng cách không quá 100 hải lý.

6. Các điều kiện của khoản 5 không áp dụng cho các địa hình nhô ngầm dưới mặt nước (kể cả khi là một bộ phận tự nhiên của rìa lục địa), chẳng hạn như các cao nguyên ngầm, nhô ngầm, bãi ngầm, mỏm ngầm, sóng núi giữa đại dương...

7. Quốc gia ven biển ấn định ranh giới ngoài thêm lục địa của mình, khi thêm này mở rộng ra quá 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, bằng cách nối liền các điểm cố định xác định bằng hệ tọa độ kinh vĩ độ, thành các đoạn thẳng dài không quá 60 hải lý.

8. Quốc gia ven biển thông báo những thông tin về ranh giới các thêm lục địa của mình, khi thêm này mở rộng quá 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, cho Ủy ban Ranh giới thêm lục địa được

thành lập theo Phụ lục II, dựa trên cơ sở tài liệu địa lý thuyết phục. Ủy ban cung cấp cho các quốc gia ven biển những tài liệu về các vấn đề liên quan đến việc xác định ranh giới ngoài thêm lục địa. Các ranh giới do quốc gia ven biển xác định trên cơ sở các kiến nghị của Ủy ban phải là dứt khoát và có tính chất liên kết chặt chẽ.

9. Quốc gia ven biển gửi cho Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc các bản đồ và các điều chỉ dẫn thích đáng, trong đó có các dữ kiện trắc địa, chỉ rõ một cách thường xuyên ranh giới ngoài của thêm lục địa của mình. Tổng thư ký công bố các tài liệu này theo đúng thủ tục.

10. Điều 76 không cung cấp gì mang tính mặc định đối với vấn đề hoạch định ranh giới thêm lục địa giữa các quốc gia có bờ biển tiếp liền hoặc đối diện nhau.

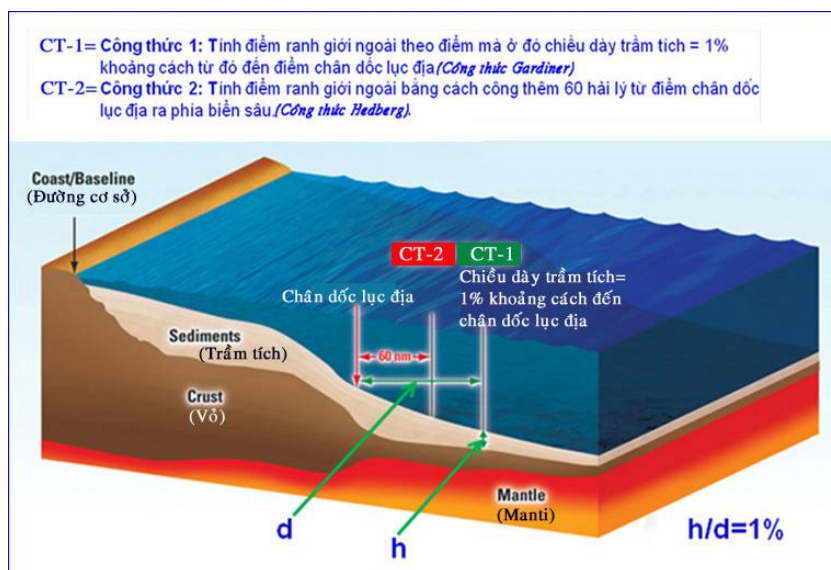
Một số minh giải về Điều 76.

Điều 76 (1) là một khái niệm mới về thêm lục địa (pháp lý), bao gồm tất cả rìa lục địa, theo đó thêm lục địa bao gồm không những thêm lục địa truyền thống mà gồm cả sườn lục địa và chân lục địa (theo định nghĩa của địa chất) và trong trường hợp rìa lục địa hẹp hơn 200 hải lý thì quốc gia ven biển có quyền xác

định thêm lục địa pháp lý của mình đến khoảng cách 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Ở đây có một điểm quan trọng nữa là sự kéo dài tự nhiên của lục địa của quốc gia ven biển ra thêm lục địa của mình, có nghĩa là đất liền quyết định (hay chi phối) thêm lục địa. Điều này rất quan trọng trong cuộc đấu tranh khẳng định chủ quyền Việt Nam ở bãi Tư Chính.

Điều 76 (4a) quy định về các điều kiện và nghĩa vụ mà các quốc gia ven biển phải tuân thủ khi xác định ranh giới thêm lục địa ra ngoài 200 hải lý. Theo đó, để mở rộng thêm lục địa ra ngoài 200 hải lý, quốc gia ven biển phải chứng minh được rằng bờ ngoài của rìa lục địa đất liền kéo dài ra ngoài ranh giới 200 hải lý tính từ đường cơ sở của quốc gia mình.

Điều 76 khoản 4 quy định cách thức xác định bờ ngoài của rìa lục địa theo 2 cách cụ thể là: Một đường nối các điểm cố định mà tại đó bề dày của đá trầm tích ít nhất phải đạt được 1% khoảng cách ngắn nhất từ điểm đó đến chân dốc lục địa”(Công thức Gardiner); hoặc “một đường nối các điểm cố định nằm cách chân dốc lục địa không quá 60 hải lý” (Công thức Hedber) (hình 2) [2].



Hình 2. Các cách tính ranh giới ngoài thêm lục địa mở rộng

Theo tinh thần của điều 76 khoản 4, cho phép các quốc gia kết hợp sử dụng cả hai cách để xác định vị trí của bờ ngoài của rìa lục địa.

Đường khống chế (Constrain lines): Khoản 5 Điều 76 quy định ranh giới ngoài thêm lục địa (TLĐ) không được vi phạm một

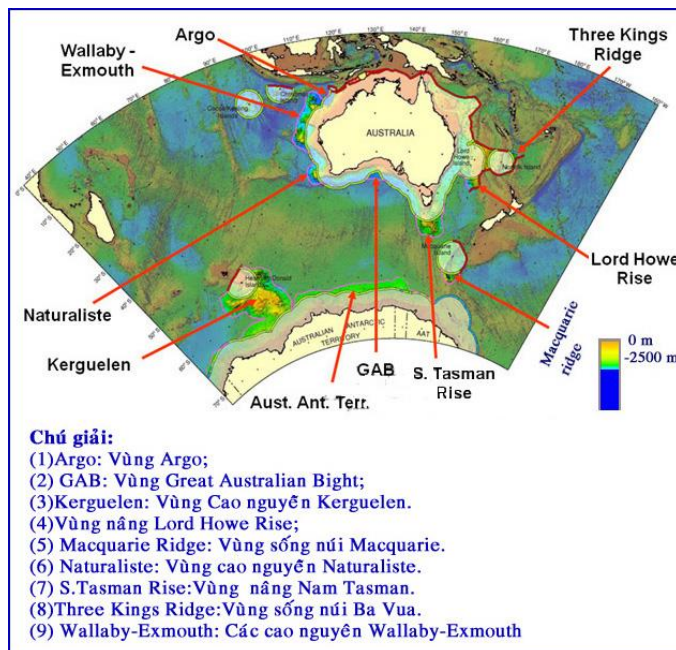
trong hai điều kiện “không được vượt quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở” và “không được vượt quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2.500 m”. Tuy nhiên ở đây có một điều mà quy định của Khoản 5 Điều 76 không nêu rõ, đó là trường hợp có nhiều đường đẳng sâu 2,500 m thì chọn đường nào, do đó các quốc gia ven biển có thể chọn đường nào có lợi cho mình nhất [3]. Vùng miền Trung Việt Nam là một ví dụ điển hình cho trường hợp này.

Theo điều 76 khoản 8 nêu trên, “Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa (Commission on the Limit of the Continental shelf, viết tắt là CLCS)” không có quyền áp đặt ý kiến đối với các quốc gia. Các ý kiến CLCS đưa ra liên quan đến ranh giới thềm lục địa ngoài 200 hải lý mà quốc gia trình lên CLCS chỉ là những “khuyến nghị”. Điều đó có thể được hiểu là trong trường hợp ý kiến của CLCS và quốc gia khác nhau, quốc gia có quyền xác định lại, hoặc CLCS có quyền tham khảo ý kiến của các chuyên gia và tổ chức chuyên môn khác

của Liên Hiệp Quốc. Tuy vậy, quốc gia ven biển không thể hoàn toàn phớt lờ ý kiến của CLCS, bởi vì chỉ khi ranh giới thềm lục địa do quốc gia xác định phù hợp với khuyến nghị của CLCS, ranh giới đó mới được coi là có hiệu lực.

TỔ CHỨC THỰC THI ĐIỀU 76 PHỤ LỤC II VỀ XÁC ĐỊNH RANH GIỚI THỀM LỤC ĐỊA CỦA CÁC QUỐC GIA VEN BIỂN Tình hình xây dựng báo cáo về ranh giới thềm lục địa của các quốc gia ven biển

Liên Hiệp Quốc không trực tiếp thi hành UNCLOS 1982 mà thông qua các tổ chức của mình. Để thi hành Điều 76, CLCS đã được thành lập vào năm 1997. Ủy ban này bao gồm 21 ủy viên, đến từ các nước thành viên của UNCLOS 1982 và được phân bổ công bằng theo các châu lục. Tuy nhiên hiện nay (nhiệm kỳ 2017–2022) chỉ có 20 ủy viên. Trang WEB của CLCS là: <https://www.un.org/Depts/los/clcsnew/clcshome.htm>.

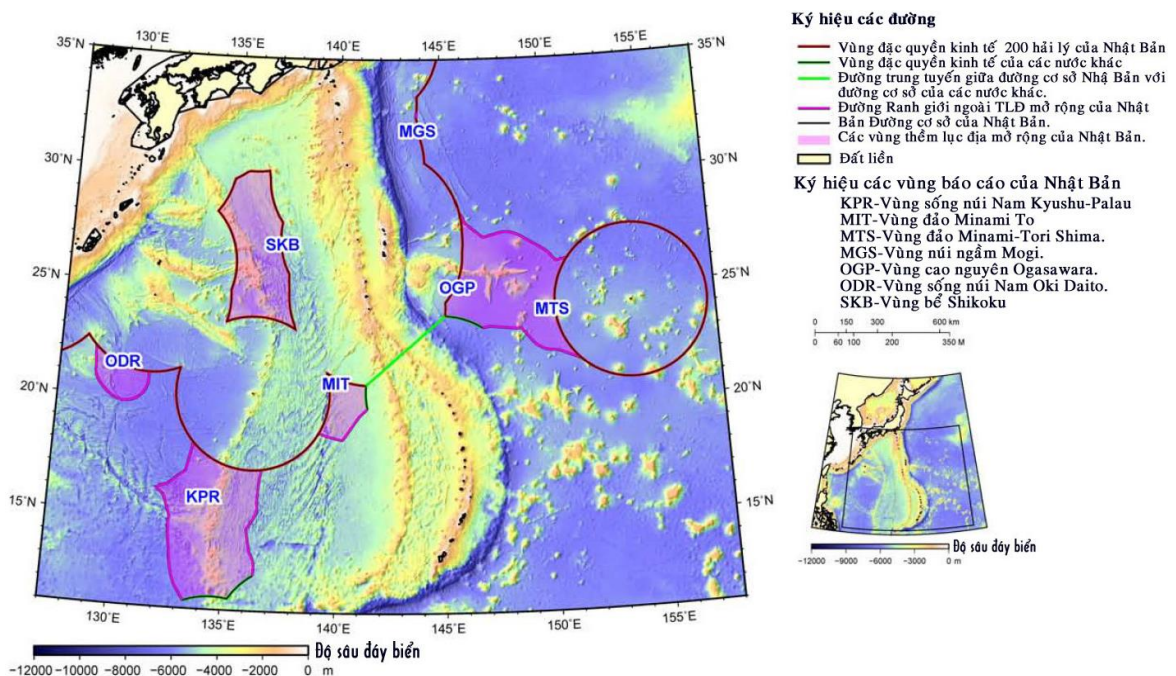


Hình 3. Bản đồ Australia và các vùng nghiên cứu chính để xác định RGN TLĐ mở rộng. Có thể thấy tuy nước Australia nằm ở miền cực nam, là một châu lục biệt lập nhưng cũng có thể có các điểm nhạy cảm như vùng Argo đối với Timor Leste, vùng Three King Ridge và vùng Macquarie Ridge với New Zealand, vùng Kerguelen với không gian Châu Nam Cực theo Hiệp ước Châu Nam Cực năm 1959 của quốc tế và cuối cùng là vùng Wallaby Exmouth đối với Indonesia. Đặc biệt trên bản đồ này ta thấy ngoài 9 vùng chính liên quan còn có vùng đất phía bắc Châu Nam Cực thuộc Australia khá rộng lớn (Aust. Ant. Terr.) [4]

CLCS thông báo, quảng bá rộng rãi và khuyến nghị các quốc gia ven biển xây dựng các báo cáo về Ranh giới Thềm lục địa của mình theo Điều 76 của Phụ lục II của UNCLOS 1982 và nộp lên CLCS với hạn chót là ngày 13/5/2009. Đến hạn chót đã có tất cả 52 báo cáo về ranh giới TLĐ của các quốc gia được nộp lên CLCS.

Có thể thấy, cho đến thời hạn trên không phải tất cả các quốc gia có biển đều đã nộp được báo cáo về xác định đường ranh giới

ngoài của thềm lục địa lên LHQ vì những lý do khác nhau. Có một số quốc gia nộp báo cáo về xác định đường ranh giới ngoài của thềm lục địa lên LHQ làm nhiều lần, liên quan đến từng phần lãnh thổ, hoặc vừa nộp báo cáo riêng vừa nộp báo cáo chung với các nước khác, liên quan đến những vùng lãnh thổ tiếp giáp hoặc chồng lấn như Pháp, Tây Ban Nha, Anh, Đan Mạch, Việt Nam, Indonesia và nhiều quốc gia ở Nam Thái Bình Dương khác.



Hình 4. Các khu vực xây dựng báo cáo về RGTLD của Nhật Bản (7). Kết quả 5 khu vực được CLCS thông qua, 1 bị cho là nhỏ quá không xét, 1 bị Trung Quốc phản đối [5]

Một số quốc gia nộp báo cáo về xác định đường ranh giới ngoài của thềm lục địa cho LHQ sớm hơn, hoặc không có tranh chấp thì đã được Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa của LHQ xem xét và thông qua từng phần như LB Nga vào 2002, Brasil vào 2007, Ireland vào 2007, Australia vào 2008, New Zealand được thông qua vào năm 2008, báo cáo chung của Pháp, Tây Ban Nha, Anh và Ireland được xem xét và thông qua vào năm 2009, Mexico nộp báo cáo năm 2007 và được xem xét vào tháng 3/2009.

Một số báo cáo có thể được coi là mẫu mực như báo cáo của Australia. Báo cáo của Australia được chuẩn bị công phu, nghiêm túc,

chất lượng cao, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Công ước. Báo cáo về ranh giới TLĐ của Australia được xây dựng cho 9 khu vực khác nhau, trong đó có 7 khu vực trực tiếp liên quan đến sự kéo dài tự nhiên của lục địa Australia ra biển; 1 khu vực là sự nối dài tự nhiên ra biển của châu Nam Cực tại những nơi Australia tuyên bố chủ quyền và 1 khu vực liên quan đến sống núi giữa đại dương (hình 3). Australia nộp báo cáo lên CLCS vào năm 2004 và được CLCS xem xét và thông qua năm 2008.

Nhật Bản rất chú trọng công tác xây dựng các báo cáo về ranh giới TLĐ. Họ đã chi tới 1

tỷ USD cho công tác này. Tuy là một quốc đảo, nhưng khác với Australia khi xây dựng các báo cáo Nhật Bản lại chú trọng đến các thực thể địa lý nằm ngoài khơi xa với các đảo chính của Nhật Bản, chủ yếu là các sống núi giữa đại dương (trái với Điều 76 của UNCLOS 1982) (hình 4).

Một số báo cáo về xác định đường ranh giới ngoài của thềm lục địa của một số nước sau khi nộp cho LHQ đã được thẩm định, nhưng tuy không có tranh chấp nhưng do chưa đạt các yêu cầu về kỹ thuật như độ chi tiết, tính xác thực của tài liệu, số liệu... cũng chưa được xem xét, hoặc đã xem xét nhưng chưa được thông qua.

Có một số quốc gia trước và sau thời hạn xem xét đã nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung, rồi nộp lại báo cáo mới nhằm nâng cao chất lượng báo cáo, hợp lý và có lợi hơn cho mình như LB Nga, Pháp, Brasil, Đan Mạch... và nhiều nước khác. Riêng LB Nga là nước nộp báo cáo sớm nhất (20-12-2001) và cũng chỉnh sửa, bổ sung nhiều lần nhất (lần nộp sửa 1 vào ngày 28-2-2013; lần nộp sửa 2 vào ngày 3-8-2015). Báo cáo về RGTLD của LB Nga cũng bao gồm nhiều báo cáo thành phần (4) cho nhiều vùng biển khác nhau, đó là Báo cáo cho biển Bering, Báo cáo cho biển Okhotsk, Báo cáo cho biển Barents và Báo cáo cho biển Bắc Băng Dương. Các báo cáo của LB Nga cũng bị nhiều nước (5 nước) gửi công hàm phản đối nhất, đó là Canada, Đan Mạch, Nhật Bản, Na Uy và Hoa Kỳ.

Cho đến nay CLCS tiếp tục nhận các báo cáo của các quốc gia ven biển. Riêng trong nửa đầu năm 2019 đã có 3 báo cáo. Đến 23/5/2019 CLCS đã tiếp nhận báo cáo thứ 84, đó là báo cáo của Canada về ranh giới TLD biển Bắc Băng Dương.

Tình hình xây dựng báo cáo về ranh giới thềm lục địa của Việt Nam

Biển Đông là một địa bàn chiến lược, là tuyến giao thương hàng hải chiến lược quan trọng vào hàng bậc nhất thế giới, đồng thời Biển Đông cũng là nơi có nguồn tài nguyên sinh vật, phi sinh vật và năng lượng dồi dào. Chính vì vậy khu vực này là khu vực cạnh tranh gay gắt của các nước trong khu vực cũng như ngoài khu vực trong việc xác định chủ quyền của mình, cũng như đảm bảo tự do hàng

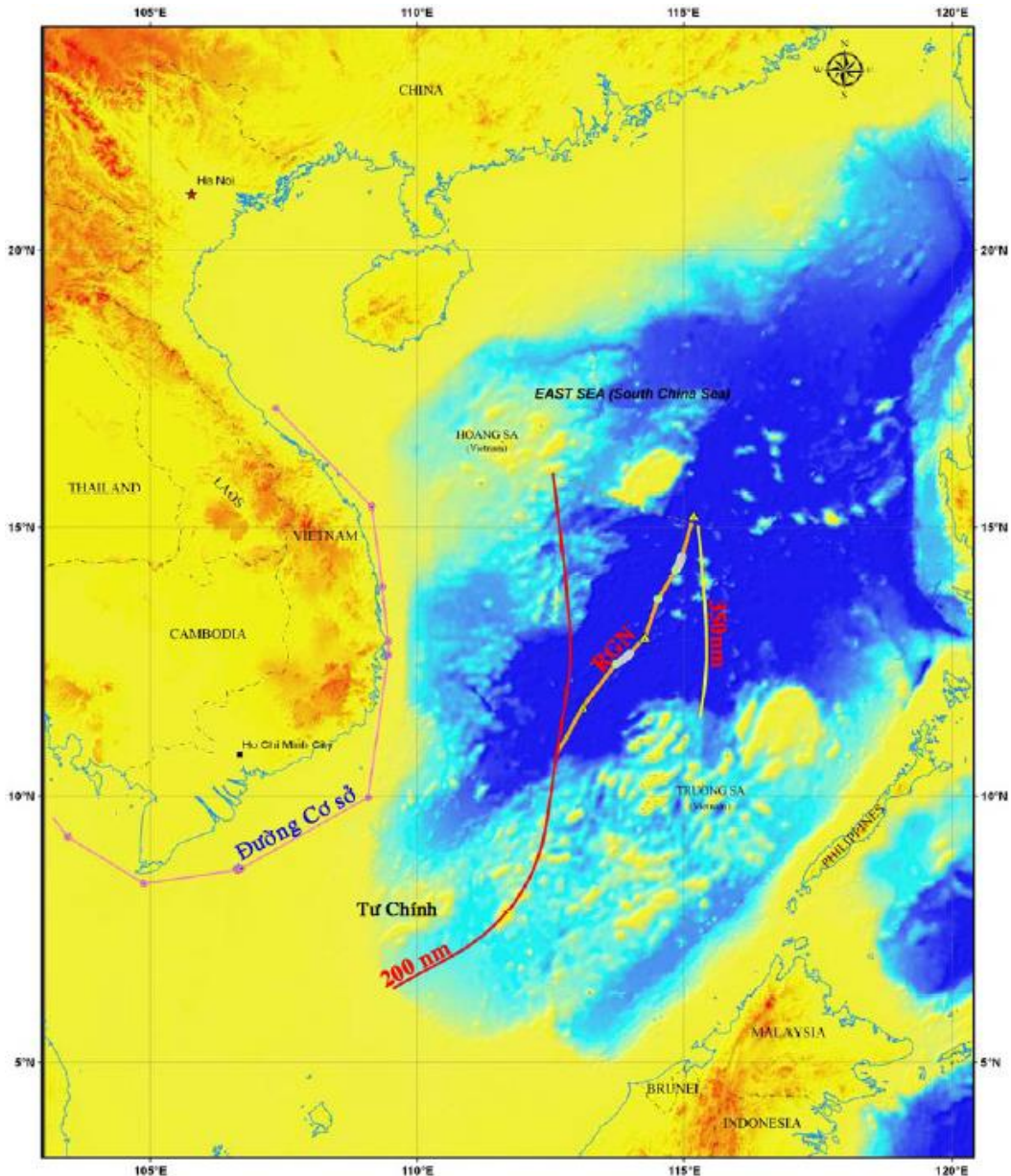
hải ở đây. Trong thế kỷ qua các nước trong khu vực đã có những tuyên bố chủ quyền khác nhau, gây nên sự chông chéo, mâu thuẫn gay gắt, dẫn đến các xung đột quyết liệt, có cả nổ súng và đổ máu.

Ý thức được tầm quan trọng của việc xây dựng báo cáo về đòi hỏi chủ quyền biển đảo của mình Đảng và Chính phủ Việt Nam đã kịp thời ra các chỉ thị, nghị quyết về công tác chuẩn bị và xây dựng các báo cáo cần thiết theo các quy định của Công ước LHQ về Luật biển, đề nộp lên Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa (CLCS). Công việc được giao cho Ủy ban Biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao chủ trì, với sự tham gia của một số bộ ngành liên quan, như Bộ Tư lệnh Hải quân, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong quá trình thực hiện Việt Nam đã hợp tác với các đối tác nước ngoài như Australia, Anh và Malaysia. Ngoài ra còn thuê tàu khảo sát của Nga và Na Uy. Đặc biệt Viện Hải dương học Southampton (Anh) đã giúp tư vấn, chỉnh sửa báo cáo khu vực phía bắc và chuyên gia Australia giúp tư vấn chỉnh sửa báo cáo chung Việt Nam-Malaysia.

Việt Nam đã hoàn thành ba báo cáo riêng rẽ cho ba khu vực: Phía bắc, khu vực giữa và khu vực phía nam. Khu vực phía nam ta làm chung với Malaysia. Mỗi báo cáo có từ 600–800 trang tài liệu, cùng nhiều tài liệu bổ trợ, bản đồ đính kèm với khối lượng khoảng 150 kg. Mỗi bộ hồ sơ thành phần của Báo cáo gồm ba phần: (1) Báo cáo tóm tắt - Executive Summary; (2) Nội dung chính-Main Body; (3) Các số liệu khoa học và kỹ thuật hỗ trợ - Supporting Documents. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Anh. Việt Nam đã nộp Báo cáo chung Việt Nam-Malaysia vào ngày 6/5/2009 (xếp số thứ tự 33) và nộp Báo cáo khu vực phía bắc vào ngày 7/5/2009 (xếp số thứ tự 37), trước thời hạn chốt do LHQ quy định là ngày 13/5/2009. Ban Thư ký của Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa (UB RGTLD) đã tiếp nhận hồ sơ và chuyển tải ngay các báo cáo Tóm tắt lên trên WEB của LHQ. Việt Nam chưa nộp báo cáo khu vực giữa, nhưng đã thông báo cho UB RGTLD là sẽ nộp vào thời điểm thích hợp. Sau đó vào các ngày 27/8 và 28/8/2009 Việt Nam đã trình bày các báo cáo chung Việt Nam-Malaysia và báo cáo phía bắc

trước UB RGTLD. Theo kế hoạch thì báo cáo chung Việt Nam-Malaysia sẽ được Ủy ban thành lập tiêu ban để xem xét vào năm 2019 và thông báo kết quả vào năm 2021. Liên quan đến báo cáo phía bắc của Việt Nam các năm tương ứng sẽ là 2022 và 2024. Tuy nhiên do ngay sau khi Việt Nam nộp báo cáo thì Trung

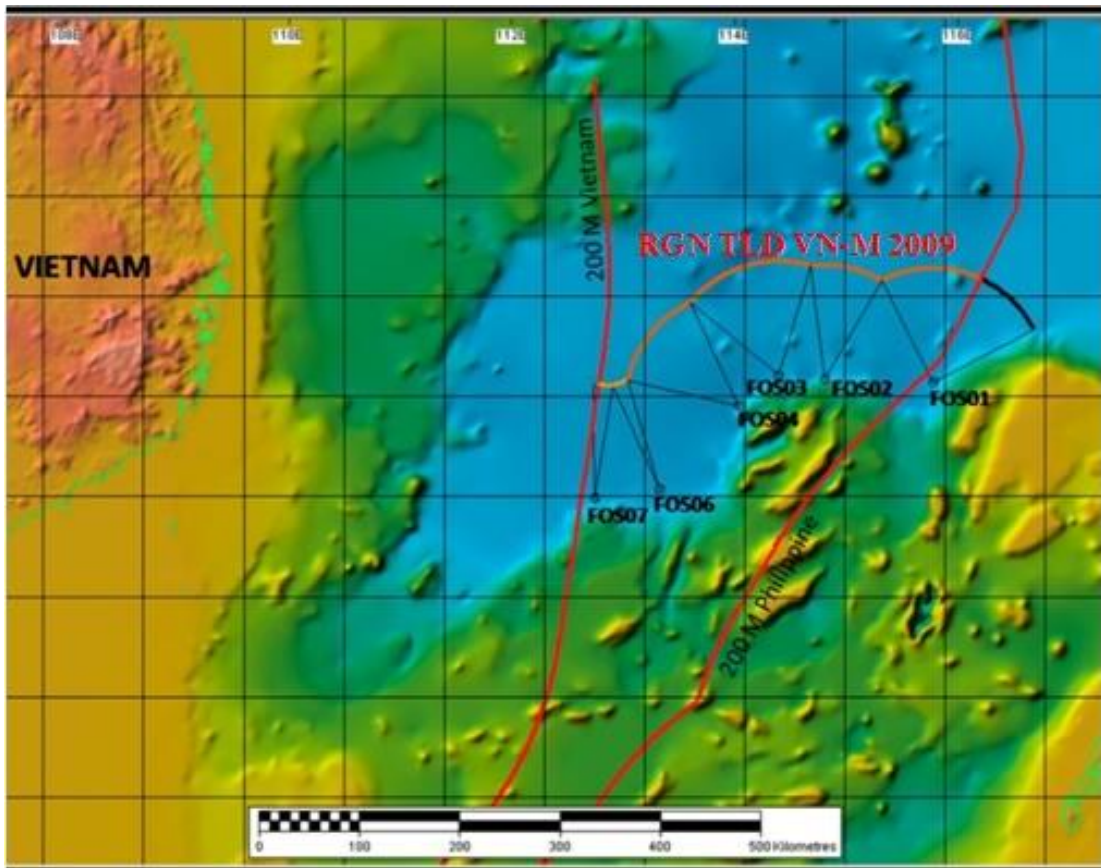
Quốc đã nộp công hàm phản đối cả hai báo cáo, đồng thời Philippines dưới thời tổng thống Ariogio cũng nộp công hàm phản đối báo cáo chung Việt Nam-Malaysia (vì giữa Malaysia và Philippines có tranh chấp ở bang Sabah (đông bắc đảo Borneo), cho đến nay các báo cáo của ta vẫn chưa được UB RGTLD xem xét.



Hình 5. Đường Ranh giới ngoài thềm lục địa Việt Nam khu vực phía bắc, xây dựng theo Điều 76, Phụ lục II của Công ước luật biển 1982 [4]. Trên bản đồ này chỉ rõ đường cơ sở, đường 200 hải lý biển; đường không chế 350 hải lý biển và đường ranh giới ngoài của thềm lục địa Việt Nam (RGN) được thể hiện trong báo cáo khu vực phía bắc nộp LHQ ngày 7-5-2009 của Việt Nam

Việc nộp báo cáo về RGTLD của Việt Nam cho LHQ là một bước quan trọng và kịp thời trong công tác xác định chủ quyền biển đảo của mình đối với thế giới. Một điều đáng nói là ngoài Việt Nam và Malaysia, các nước khác trong khu vực không có báo cáo về RGTLD đối với Biển Đông, kể cả Trung Quốc. Các báo cáo của Việt Nam được đánh giá cao cả về nội

dung lẫn hình thức. Các đường ranh giới quan trọng như đường cơ sở, đường chân dốc lục địa và quan trọng nhất là đường ranh giới ngoài thêm lục địa của Việt Nam đã chính thức có trên trang WEB của LHQ. Đó là một sự khẳng định hùng hồn về chủ quyền biển đảo không thể tranh cãi của Việt Nam (hình 5, 6).



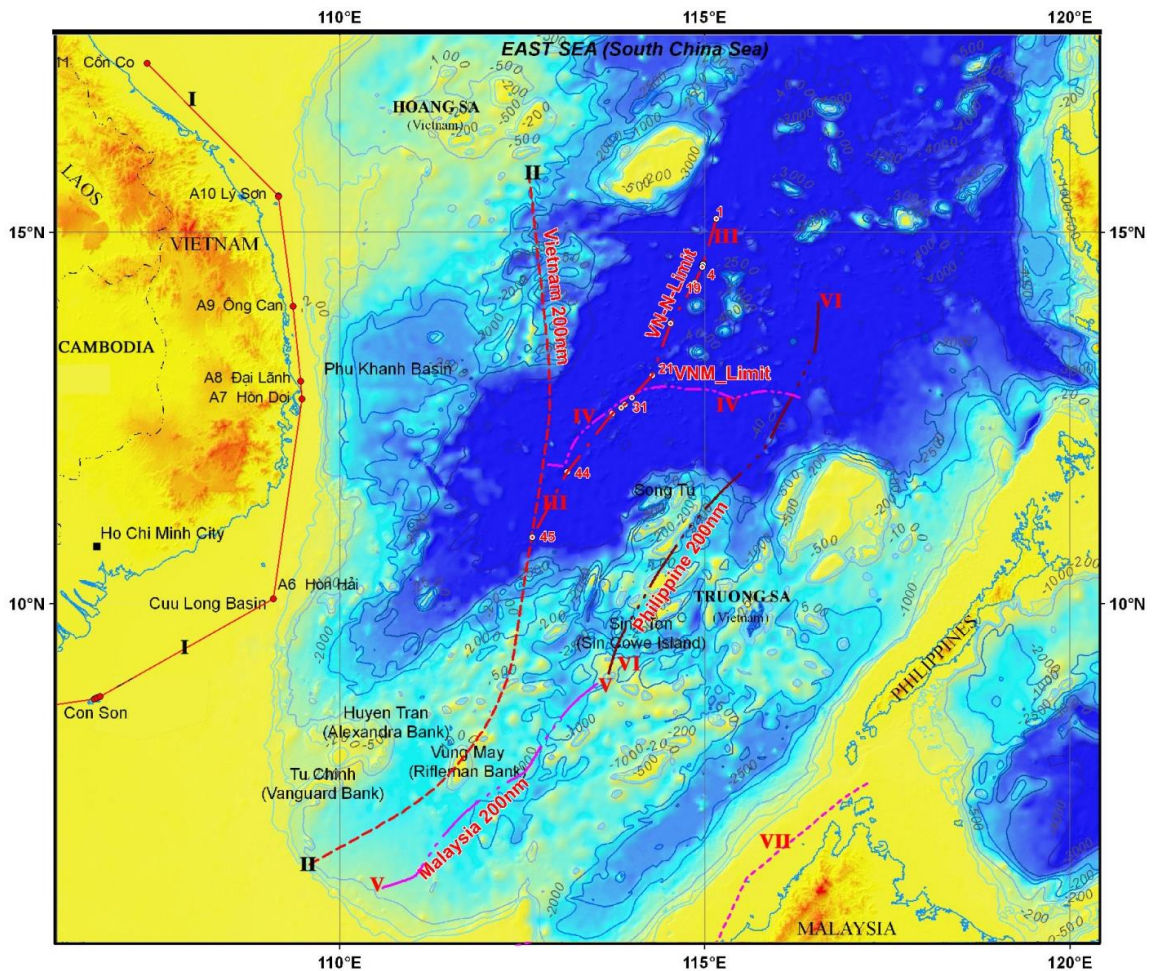
Hình 6. Đường Ranh giới ngoài thêm lục địa Việt Nam khu vực phía nam trong báo cáo chung Việt Nam-Malaysia, xây dựng theo Điều 76, Phụ lục II của Công ước luật biển 1982 [3]. Trên bản đồ này thể hiện đường ranh giới ngoài thêm lục địa mà Việt Nam và Malaysia cùng tuyên bố (RGN TLĐ VN-M 2009) trong báo cáo chung nộp LHQ vào ngày 6-5-2009

Đường RGN TLĐ của Việt Nam ở báo cáo khu vực phía Bắc được xây dựng trên cơ sở xác định được 45 điểm cố định, trong đó có 41 điểm được xác định bởi công thức Hedberg (60 hải lý cách chân dốc lục địa), 2 điểm được xác định theo công thức Gardiner (1% chiều dày trầm tích), 1 điểm được xác định trên đường 200 hải lý và 1 điểm điểm được xác định trên đường 350 hải lý.

Trong báo cáo chung Việt Nam-Malaysia các điểm ranh giới ngoài được xác định theo công thức Hedberg, tức là từ điểm chân dốc lục địa cộng thêm 60 hải lý. Các điểm chân dốc lục địa được xác định ở phía bắc quần đảo Trường Sa. Cần lưu ý rằng trong thỏa thuận ban đầu hai nước Việt Nam và Malaysia cam kết không lấy kết quả của báo cáo này để làm cơ sở phân định ranh giới biển giữa hai nước.

Kết quả này chủ yếu để bảo vệ chủ quyền biển chung của các nước Đông Nam Á. Việt Nam và Malaysia cũng sẵn sàng kết nạp thêm các nước như Philippines, Brunei, Indonesia vào báo cáo chung nếu họ đồng ý. Điều này có ý nghĩa rất lớn trong bối cảnh các đường chủ quyền của các nước Đông Nam Á chồng chéo nhau (hình 7).

Hiện nay Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì, triển khai các công tác cập nhật, chỉnh sửa các báo cáo về RGTLĐ của mình. Cùng với Malaysia chúng ta duy trì nhóm chuyên gia hiệu đính báo cáo quốc gia xác định ranh giới ngoài thêm lục địa, cùng nhau thảo luận để tìm cách đấu tranh để CLCS chấp nhận lập tiêu bản xem xét báo cáo của mình.



Hình 7. Các đường tuyên bố chính thức về chủ quyền của các nước Việt Nam, Malaysia và Philippine trên Biển Đông theo Công ước LHQ về luật biển năm 1982: I. Đường cơ sở của Việt Nam (1982); II. Đường 200 hải lý biển của Việt Nam tính từ đường cơ sở; III. Đường Ranh giới ngoài thêm lục địa Việt Nam trong báo cáo bắc (2009); IV. Đường Ranh giới ngoài TLĐ do Việt Nam và Malaysia cùng tuyên bố (2009); V. Đường 200 hải lý biển tính từ đường cơ sở của Malaysia; VI. Đường 200 hải lý biển tính từ đường cơ sở của Philippines [6–8]

Một số kết luận và kiến nghị

Công ước về Luật biển của LHQ là một bản “Hiến pháp về biển và đại dương thế giới”, dựa vào nó các quốc gia ven biển bất kể lớn hay

nhỏ, mạnh hay yếu đều bình đẳng, tự tin trong việc xác định chủ quyền trên biển của mình. Công ước bao gồm 17 phần, 320 điều, 9 phụ lục với hơn 100 điều khoản và bố nghị quyết

kèm theo và hai thỏa thuận (hiệp định) hầu như đã chứa đựng được tất cả những vấn đề liên quan đến đại dương của thế giới.

Việc các quốc gia có được Bộ dữ liệu chuẩn, có độ tin cậy cao về điều kiện tự nhiên vùng biển của mình là điều rất quan trọng. Tuy nhiên để áp dụng, lựa chọn một cách thông minh các tài liệu đó vào việc xây dựng một báo cáo có chất lượng cao và dễ được Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa (Commission on the Limit of the Continental shelf-CLCS) chấp nhận cũng là một vấn đề cần được cân nhắc và chọn lựa. Các nhà khoa học phải có trách nhiệm cung cấp đầy đủ dữ liệu và đồng thời phân tích, tư vấn cho nhà nước mình về phương án lựa chọn hợp lý để đưa vào báo cáo quốc gia nộp cho LHQ.

Các báo cáo về Ranh Giới ngoài thềm lục địa của Việt Nam, nộp cho UB RGTLĐ của LHQ vào tháng 5-2009, là các báo cáo được xây dựng khoa học, bài bản và có tư vấn của các chuyên gia đầu ngành về vấn đề RGTLĐ của Malaysia, Australia và Anh. Tuy nhiên trong thời gian từ nay đến khi LHQ xem xét chính thức là Việt Nam có thể và nên phải hoàn thiện bổ sung, cập nhật, thay thế các tài liệu mới, bổ sung các luận điểm mới... để tăng cường chất lượng của báo cáo, giúp chúng ta khẳng định một cách chắc chắn, khoa học hơn về đòi hỏi chủ quyền biển đảo của mình.

Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, quảng bá về chủ quyền biển đảo của mình trên cơ sở Công ước về Luật biển của LHQ. Cần công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước, góp phần khẳng định chủ quyền của Việt Nam, chống lại các luận điệu xuyên tạc và âm mưu xâm chiếm của các thế lực thù địch.

Việt Nam cũng nên cân nhắc bổ sung thêm vào Báo cáo RGTLĐ khu vực giữa các đường ranh giới thuộc phần thềm lục địa phía nam, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt ở khu vực bãi Tư Chính hiện nay.

Lời cảm ơn: Các tác giả xin cảm ơn đề tài KC.09.07/16–20 “Nghiên cứu cập nhật và hoàn thiện cơ sở khoa học để xác định đường ranh giới ngoài của thềm lục địa Việt Nam trên Biển

Đông theo Công ước luật biển 1982 của Liên Hiệp Quốc, góp phần đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam” và “Chương trình hỗ trợ hoạt động nghiên cứu viên cao cấp năm 2019” mã số : NCVCC24.05/19–19.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trang WEB của Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa của LHQ (CLCS): https://www.un.org/Depts/los/clcs_new/clcs_home.htm
- [2] Peter J. Cook, Chris M. Carleton Continental Shelf Limits: The Scientific and Legal Interface. Oxford University Press, 2000. 363 p.
- [3] Viet Nam - Malaysia Joint Submission to the Commission on the Limits of the Continental Shelf pursuant to Article 76, paragraph 8 of the United Nations Convention on the Law of the Sea 1982 in respect of the southern part of the South China Sea, 2009.
- [4] Australian's Submission to the Commission on the Limits of the Continental Shelf (pursuant to Article 76, paragraph 8 of the United Nations Convention on the law of the Sea, 2004.
- [5] Japan's Submission to the Commission on the Limits of the Continental Shelf (pursuant to Article 76, paragraph 8 of the United Nations Convention on the law of the Sea, 2008.
- [6] Submission to the Commission on the Limits of the Continental Shelf pursuant to Article 76, paragraph 8 of the United Nations Convention on the Law of the Sea 1982: Partial Submission in respect of Vietnam's Extended Continental Shelf: North Area (VNM-N), 2009.
- [7] David Rosenberg. The South China Sea. www.Southchinasea.org
- [8] VTN Vietnam Territorial Sea Baseline, 1982. <http://www.documentcloud.org/documents/1341880-sea-vietnam-territorial-sea-baseline-1982.html>.